

Bản án số: 890/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2019

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Nguyễn Hoà Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên -
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần
Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 667/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2019/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn

Bà Lê Thị H, sinh năm 1958 – Có mặt

Địa chỉ thường trú: 456 đường L, Tổ 5, Khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

Ông Lê Tất L, sinh năm 1967 – Có mặt

Địa chỉ thường trú: 456 đường L, Tổ 5, Khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Lê Tất L qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyền số 01/99 do UBND phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/1999).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai, ông L thường xuyên rượu chè, cờ bạc. Cả hai đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Cả hai xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Tất L.

Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị H và ông Lê Tất L có 02 con chung là Lê Mai Linh Đ, sinh ngày 10/12/1997 (Đã thành niên) và Lê Tất Anh T sinh ngày 31/01/2001 (Đã thành niên);

Về quan hệ tài sản chung: Bà H xác định không có.

Về quan hệ nợ chung: Bà H xác định không có.

Bà Lê Thị H cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Lê Tất L, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Lê Tất L trình bày:

Ông và bà Lê Thị H qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyền số 01/99 do UBND phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/1999).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà hay gây gổ với nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với Bà H, tuy nhiên ông trình bày hiện nay tuổi đã cao, sức khỏe yếu nên đề nghị Bà H hỗ trợ 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để ông có điều kiện sinh sống nếu phải ly hôn với Bà H, do đó với yêu cầu của Bà H, ý kiến của ông như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tất L không đồng ý ly hôn với Bà H.

Về quan hệ con chung: Ông xác định ông và Bà H có 02 con chung là Lê Mai Linh Đ, sinh ngày 10/12/1997 (Đã thành niên) và Lê Tất Anh T sinh ngày 31/01/2001 (Đã thành niên);

Về quan hệ tài sản chung: Ông xác định không có.

Về quan hệ nợ chung: Ông xác định không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 BLTTDS; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Bà Lê Thị H và ông Lê Tất L qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/99 do UBND phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/1999) là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo Bà H là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông L cũng xác định không còn tình cảm với Bà H, tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn. Ông L trình bày, hiện nay do ông tuổi đã cao, sức khỏe yếu nên đề nghị Bà H hỗ trợ 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để ông có điều kiện sinh sống nếu phải ly hôn.

Nhận thấy: hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng của Bà H, ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân, cả hai đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Phong, Quận 7 kết quả: tình trạng hôn nhân của Bà H ông L thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Do đó, có cơ sở để cho rằng tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của Bà H là có cơ sở để chấp nhận.

Về vấn đề ông L cho rằng do ông tuổi đã cao, sức khỏe yếu nên đề nghị Bà H hỗ trợ 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để ông có điều kiện sinh sống nếu phải ly hôn. Nhận thấy lý do ông L đưa ra không nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng, Bà H không đồng ý hỗ trợ ông L 1.000.000.000 đồng, do đó, không có cơ sở để xem xét.

- Về con chung: có 02 con chung là Lê Mai Linh Đ, sinh ngày 10/12/1997 (Đã thành niên) và Lê Tất Anh T sinh ngày 31/01/2001 (Đã thành niên);

- Về quan hệ tài sản chung: cả hai xác định không có nên không xét.

- Về quan hệ nợ chung: cả hai xác định không có nên không xét.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Về án phí hôn nhân gia đình: Bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Tất L, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn ông Lê Tất L hiện đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét, bà Lê Thị H và ông Lê Tất L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/99 do UBND phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/1999), do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị H: Bà và ông L chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai thường xuyên gây gổ với nhau, các đương sự đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà và ông L đã nhiều lần hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Do đó bà đề nghị được ly hôn với ông Lê Tất L.

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh số: 357/2019/PYCXM ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội liên hiệp phụ nữ phường P, Quận 7, nội dung như sau:

“Qua kết quả xác minh thực tế tại địa phương, hội Liên hiệp phụ nữ phường P xin trả lời như sau:

- Tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị H và ông Lê Tất L tại địa chỉ số: 456 đường L, Tổ 5, khu phố 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay. Cụ thể là thời gian gần đây nhất vào ngày 26/11/2019 bà Lê Thị H có làm đơn gửi đến Hội liên hiệp phụ nữ phường để phối hợp với cảnh sát khu vực can thiệp và bảo vệ tính mạng của bà trong tình trạng bị bạo hành, trong thời kỳ hôn nhân nguy hại và bị đe dọa đến tính mạng của bản thân (Đính kèm đơn trình bày đã gửi đến cơ quan Hội Liên hiệp phụ nữ phường ngày 26/11/2019).

- Ông L và Bà H hiện đã ly thân cách đây 02 năm và trong năm 2019 ông L đã rời khỏi nhà của Bà H để ra ngoài sống riêng biệt được 01 năm. Cũng trong thời gian này ông L và Bà H có gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân Quận 7 để tiến hành thủ tục ly hôn giữa 02 vợ chồng họ”.

Căn cứ lời trình bày của bị đơn ông Lê Tất L thì ông cũng xác định trong quá trình chung sống với Bà H, cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tuy nhiên ông không đồng ý ly

hôn với Bà H với lý do hiện nay do ông tuổi đã cao, sức khỏe yếu nên đề nghị Bà H hỗ trợ 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để ông có điều kiện sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, lý do xin đoàn tụ của ông L không xuất phát từ mục đích hàn gắn xây dựng gia đình hạnh phúc nên không có cơ sở để chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Tất L xác định ông và Bà H không có tài sản chung và không có nợ chung, tuy nhiên ông yêu cầu Bà H hỗ trợ ông 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng để ông có điều kiện sinh sống nếu phải ly hôn với Bà H. Bà H không đồng ý với yêu cầu hỗ trợ của ông L. Xét, yêu cầu trên của ông L không liên quan đến vụ án, không có cơ sở pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ do đó yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung:

Các đương sự có 02 con chung, họ tên là:

1. Lê Mai Linh Đ, sinh ngày 10/12/1997 (Đã thành niên).

2. Lê Tất Anh T sinh ngày 31/01/2001 (Đã thành niên)

Do các con chung của các đương sự đã thành niên, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác định không có.

[2.4]. Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị H là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị H.

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Tất L (Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/99 do UBND phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/1999 không còn giá trị pháp lý).

[1.2]. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung họ tên là:

- Lê Mai Linh Đ, sinh ngày 10/12/1997 (Đã thành niên).

- Lê Tất Anh T sinh ngày 31/01/2001 (Đã thành niên)

[1.3]. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[1.4]. Về quan hệ nợ chung: Không có.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Lê Thị H và ông Lê Tất L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP. HCM;
- VKS ND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- UBND nơi các đương
Sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Xuân Duyên).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Đào Lê Anh